

Thuyết minh về Lăng Minh Mạng Huế

ĐÔI NÉT VỀ QUẦN THỂ DI TÍCH HUẾ

HUẾ

Nằm ở giữa miền Trung Việt Nam, Huế là cây cầu nối liền hai bờ Bắc Nam đất nước. Ở đó hội tụ và toả sáng mọi tinh hoa của dân tộc. Trước đây Huế có tên là Phú Xuân, nằm trên một địa hình eo thắt, diện tích nhỏ hẹp, đất đai nghèo nàn khắc nghiệt, nhưng thiên nhiên ở đây là một món quà vô giá mà tạo hoá đã dành sẵn cho con người nơi đây.

Vùng đất này cũng có núi sông bao bọc. Núi và sông như hai người bạn kề nhau, cùng nhau điểm xuyết chấm phá trên những dải đồng bằng nhỏ hẹp của bức tranh thủy mặc miền trung, thiên nhiên bao giờ cũng rất gần gũi, mọi hoạt động của nhân dân bao giờ cũng không tách khỏi thiên nhiên. Con người nơi đây có thể gối đầu ở dải Trường sơn hùng vĩ và đạp chân ở sống bể miền Đông. Nói tóm lại “Kinh sư là nơi miền núi miền biển đều hợp về, đứng giữa miền Nam, miền Bắc, đất đai cao ráo, non sông phẳng lặng, đường thủy thì có cửa Thuận An, cửa Tư Hiền sâu thẳm, đường bộ thì có Hoàng Sơn, cửa Ải Vân ngăn chặn sông lớn giăng phía trước. Núi cao giữ phía sau, rồng cuộn hổ ngồi, hình thế vững chãi, ấy là do trời đất xếp đặt (QSQ Triều Nguyễn 1992:13)”.

Có lẽ vì thế mà Huế trở thành đất bản bộ của dòng họ Nguyễn suốt mấy chục năm. Trong hơn 200 năm dựng nghiệp ở Đàng Trong (1558-1775) đã có đến 139 năm (1636-1775) các Chúa Nguyễn đã chọn vùng đất này làm thủ phủ. Nhờ vậy Huế đã trở thành một đô thị-Kinh Đô được xây dựng hoàn chỉnh với một quần thể các công trình kiến trúc phong phú, đa dạng. Bao gồm: Kinh đô với thành quách, cung điện của triều đại Phong Kiến tập quyền bấy giờ, lăng tẩm của các vua, các công trình văn hoá nghệ thuật, các di tích tôn giáo tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh v.v... Quần thể di tích kiến trúc ấy là một tổng thể văn hoá vật chất, tồn tại song song với những vốn quý của văn hoá tinh thần để hình thành nên một nền văn hoá đặc trưng của nhà nước Phong Kiến Việt Nam “mà ý nghĩa của nó là sự chuẩn bị cuối cùng về văn hoá truyền



thống của các bậc tiền nhân để thế hệ mới bình tâm đi vào cuộc sống công nghệ hiện đại (Nguyễn Khoa Điềm)".

LĂNG TẨM HUẾ

Cách đây gần 80 năm, một người tây Phương tên là Ph.Eberhard đã viết: "Huế là một trung tâm du lịch hấp dẫn nơi có Kinh Thành, Hoàng Thành và lăng tẩm, có một sức cuốn hút sự chú ý đặc biệt của du khách và các nhà mỹ thuật. Chỉ riêng lăng tẩm các vua nhà Nguyễn không thôi cũng đủ có giá trị đối với du lịch rồi, theo ý kiến chung lăng tẩm Huế đẹp hơn lăng tẩm của các vua nhà Minh ở Trung Quốc". Lăng tẩm Huế là thành tựu rực rỡ nhất của nền kiến trúc cổ Việt Nam. "Như những tiểu vệ tinh quần tụ trong hệ thống một di sản văn hoá, bên cạnh những đình chùa miếu mạo, những ngôi nhà rường, những khu vườn nổi tiếng ... các lăng mộ của các bậc đế vương triều Nguyễn đều là tiêu điểm thu hút du khách tham quan".

Theo những bước thăng trầm của thời gian, do những biến cố của lịch sử hiện nay Huế chỉ còn lại 7 khu lăng tẩm (Triều Nguyễn (1802-1945) có đến 13 vua). Nhìn từ vị thế Trung Ương của cố đô 7 khu lăng ấy nằm ở một khu đất khá riêng biệt ở phía Tây Huế Vào năm 1981, sau khi đến thăm Huế, ông tổng giám đốc UNESCO Amadou-M'Bow đã viết: "Lăng tẩm của các vua nhà Nguyễn ...biểu hiện những biến tấu độc đáo trên một chủ đề thống nhất. Mỗi một lăng vua với đặc tính riêng của nó là một thành tựu tuyệt mỹ của nền kiến trúc cảnh vật hoá, và một lăng tẩm khơi dậy trong cảm xúc khách quan một âm vang đặc biệt. Lăng Gia Long giữa một khu vực thiên nhiên bao la, gợi lên một ấn tượng hoành tráng và thanh thản, lăng Minh Mạng đầy vẻ trang nghiêm và lăng Tự đức đem đến cho du khách một hồn êm thơ mộng". Mỗi khu lăng là một công trình kiến trúc thể hiện đời sống tinh thần, tính cách của một ông vua, nói lên được cái đặc biệt của triều đại mình. Không có lăng nào giống lăng nào. Tất cả góp lại tạo nên một phong cách riêng mà không nơi nào có được: phong cách Huế.



LĂNG MINH MẠNG VỚI QUAN NIỆM CỦA CHA ÔNG TA VỀ LUẬT SƠN THỦY

MINH MẠNG (1791-1840)

Tiểu sử

Minh Mạng tên huý là Nguyễn Phúc Đảm, còn có tên gọi là Nguyễn Phúc Kiểu, là hoàng tử thứ tư, con của vua Gia Long và thứ phi Trần Thị Đang. Ông sinh ngày 23 tháng 4 năm Tân Hợi, tức 25 tháng 5 năm 1791 tại tư dinh của bà Quốc Công Tổng Phước Khuông ở làng Tân Lộc, tỉnh Gia định.

Theo sử sách ghi lại con đầu của Gia Long là Hoàng tử Cảnh mất sớm vào năm 1801. Triều đình có người đề nghị cho con của Hoàng tử Cảnh nối ngôi để giữ đúng dòng đích, nhưng Gia Long không đồng ý. Năm 1815, Nguyễn Phúc Đảm được phong làm Hoàng thái tử và từ đó ở trong điện Thanh Hoà để quen với việc trị nước. Có thể nói đây là một quyết định đúng đắn của vua Gia Long. Hoàng tử Đảm tư chất thông minh, hiếu học hay chữ, cương nghị, tinh thông nho học và hết lòng chăm lo quốc chính.

Tháng 2 năm 1820 vua Gia Long băng hà, hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm lên ngôi lấy niên hiệu là Minh Mạng. Sinh ra trong lớp hoà quang cả chiến thắng, lại có một người mẹ nhân hậu đoan trang nuôi dưỡng, có một lớp các nhà nho dạy dỗ tận tình. Từ học làm người đến học làm một ông vua trưởng thành trong “khuôn vàng thước ngọc” của nền giáo dục Khổng – Mạnh. Với ông Lê Thánh Tông (1441-1497) là mẫu mực của “tu thân, tề gia trị quốc, bình thiên hạ” đã làm nên một thời bình trị của đất nước.

Ông mất ngày 28 tháng 12 năm Canh Tý, tức 20 tháng 1 năm 1841. Lăng của Minh Mạng là Hiếu Lăng, tại làng An Bằng, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Được thờ ở Tả Nhất Án thế miếu trong Đại nội Kinh Thành Huế với Miếu Hiệu là Thánh Tổ Cao Tông Hoàng Đế.

Những thành tựu trong việc trị vì đất nước của Minh Mạng

Chính trị

Là vị vua giỏi nhất trong các vị vua Minh Mạng tinh thông mọi lĩnh vực từ kinh tế chính trị cho đến văn hoá quân sự. Tiếp nhận giang sơn từ tay vua cha mới được hoà hợp về mặt lãnh thổ, còn nặng tính chất quân quản mà phân quyền, vua Minh Mạng dường như bắt đầu tất cả. Dưới đời ông giang sơn được thu về một mối, không còn Bắc tống Trấn, Nam Tống Trấn Lãnh thổ Việt Nam dưới thời Minh Mạng được mở rộng nhất trong lịch sử và Việt Nam thực sự trở thành một quốc gia hùng mạnh. Vì vậy vào năm 1838, vua Minh Mạng xuống dụ đổi tên nước ta thành là Đại Nam hay Đại Việt Nam. Minh Mạng cho xây thành đắp lũy từ bắc tới Nam. Đồng thời cải đổi cơ cấu triều đình thành Nội Các với Lục Bộ và Cơ Mật Viện, đổi Trấn Thành Tỉnh và chia vị trí đất nước thành 31 tỉnh. Ông lập các phủ Trấn Ninh, Lạc Biên, Trấn Định, Trấn Nam nhằm khống chế Ai Lao và thực sự kiểm soát Chân Lạp, đổi Nam Vang là Trấn Tây Thành.

Kinh tế

Cùng với việc mở rộng diện tích và thế lực của mình ông cũng không quên quan tâm đến đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của nhân dân. Dưới thời vua Minh Mạng các làng đã thờ thần Hoàng làng, khuyến khích dân khai hoang lập ấp. Vì vậy dưới thời ông trị vì nhiều làng mới được lập nên, diện tích đất canh tác cũng tăng đáng kể.

Ngoài ra ngài có ý muốn cho nước cường thịnh, dân giàu, ông đã cho định lại các định chế công quyền, hành chánh, pháp luật, thuế khoá, đinh điền, tu soạn sử sách địa lý, đặt mức lương bổng của các quan tùy theo ngạch trật thống nhất việc đo lường và thống nhất y phục, sửa sang hệ thống giao thông, lập nhà Dưỡng tế ở các tỉnh để giúp đỡ những người nghèo khổ, tàn tật, già cả không nơi nương tựa...



Văn hoá – giáo dục

Là người thông minh Nho học, sung đạo Khổng – Mạnh, Minh Mạng rất quan tâm đến học hành khoa cử tuyển chọn nhân tài. Ngài đã cho thành lập Quốc Tử Quán, ấn định học hiệu và thi cử. Sau khi lên ngôi được hai năm vua Minh Mạng đã tổ chức mở khoa thi hội đầu tiên (1822) để chọn nhân tài giúp nước. Các khoa thi hội được tổ chức đều đặn. Từ khoa đầu tiên (1822) đến khoa thi thứ sáu (1838) đã có 56 vị tiến sĩ và hàng chục phó bảng. Các lễ vinh quy bái tổ đón các tiến sĩ, phó bảng về làng thực sự là một ngày hội làm kích thích long hiếu học trong dân chúng. Bản thân nhà vua cũng rất say mê, đã từng làm thơ, soạn sách, văn học, khuyến khích việc biên soạn sách vở, nhất là loại sách sử địa. Nhiều người biên soạn sách mới, dâng sách cũ, đều được nhà vua ban thưởng khuyến khích. Do vậy dưới triều vua Minh Mạng có nhiều bộ sách quý như Gia Định thành thống chí, Lịch Triều Hiến Chương loại chí... Các hoàng tử, công chúa con vua, nhiều người là những nhà văn nhà thơ xuất sắc và nổi tiếng dưới triều vua Thiệu Trị, Tự Đức sau này.

Kiến trúc

Không những thế dưới thời Minh Mạng tất cả các công trình lớn nhỏ của Kinh Thành Huế được sắp xếp chỉnh đốn lại. Kinh Đô Huế được định hình ngay từ thời vua Gia Long nhưng phải đến đợt tái quy hoạch và chỉnh trang vào thời Minh Mạng, bắt đầu từ năm 1833, thì diện mạo của Kinh Đô Huế mới trở nên hoàn chỉnh. Trong suốt hai mươi năm trị vì vua Minh Mạng đã nâng cấp, xây dựng thêm và hoàn chỉnh các công trình kiến trúc ở Hoàng Thành và Tử Cấm Thành: xây Thế Miếu, Hiển Lâm Các (1821-1822), dời Điện Thái Hoà, xây Đại Cung Môn, Ngọ Môn (1833), đúc Cửu đỉnh (1835-1837) để tượng trưng cho sự thành công và làm thêm hàng chục công trình khác như cung Trường Sanh, Đông Cát, nhà hát Duyệt Thị Đường, sở Thượng Thiện, lầu Minh Viễn, vườn Ngự Uyển, vườn Cơ Hạ, Lục Viện v.v...





Quân sự

Ông đã cho thành lập Tôn Nhơn Phủ, điều hành các Hệ, Phòng trong việc kê khai nhân thế bộ, cấp dưỡng cũng như kiểm soát và đàn hạch trong quốc tộc. Dưới triều đại ông trị vì cuộc sống thái bình, nhân dân sống no đủ nhưng ông vẫn chăm lo đến lĩnh vực quân sự. Vua Minh Mạng đã thân chinh ra thao trường chứng kiến các binh sĩ luyện tập. Bên cạnh đó việc đúc vũ khí vẫn được chú trọng...Mặc dù vậy dưới triều Minh Mạng vẫn có nhiều cuộc bạo động diễn ra, chủ yếu là ở vùng sâu vùng xa do quan lại nhũng nhiễu, tham ô, bóc lột nhân dân, và cũng một phần do việc vua cấm đạo Thiên chúa gây nên nhiều sự bất bình...vì vậy nhiều người đã đứng dậy đấu tranh. Như ở miền Bắc có các cuộc nổi dậy của Phan Bá Vành, Lê Văn Lương, Nông Văn Vân, Miền nam có Lê Văn Khôi...Minh Mạng đã phải đối phó rất vất vả với những cuộc khởi nghĩa này.

Minh Mạng chú ý thuần phục nhà Thanh, nhận dự phong Vương của nhà Thanh. Còn đối với các nước phương Tây, ông không có thiện cảm. Năm 1832 tổng thống mỹ đã cho đưa quốc thư sang xin đặt quan hệ, nhưng nhà vua cũng không tiếp. Chính sách thụ động như vậy đã kìm hãm sự phát triển của đất nước. Ông cũng không có thiện cảm với Thiên chúa giáo, chủ trương phải cấm đạo để giữ gìn phong tục nước nhà. Nhưng mặt khác ông vẫn cho người đi các nước ở vùng biển Đông để thông thương, mua bán hàng hoá, và cho học cách đóng tàu của người phương Tây cũng như các kỹ thuật khác.Đặc biệt dưới thời của ông tàu chạy bằng hơi nước đã được làm.

Với sự thông minh tài trí của mình, Minh mạng đã đưa một Đại Nam phát triển về mọi mặt. Trong sự phát triển của nước nhà vai trò của Minh Mạng vô cùng to lớn.





LĂNG MINH MẠNG

Lăng Minh Mạng với nguyên tắc sơn thủy của cha ông

Do ảnh hưởng quan niệm “sống gởi thác về” của nhà nho và triết thuyết “sắc không vô thường” của nhà Phật, mỗi ông vua triều Nguyễn lúc còn tồn tại trên ngai vàng đã xây cho mình một “ngôi nhà vĩnh cửu” để sống ở thế giới bên kia. Ngôi nhà vĩnh cửu này được tạo dựng như một “hoàng cung thứ hai” trên cõi đời này để thỉnh thoảng vua đến đây nghỉ ngơi tiêu khiển và khi mất thì nơi này trở thành nơi an giấc ngàn thu. Trị vì trên ngai vàng được 7 năm, khi ở tuổi 36, Minh Mạng cho người đi tìm đất để xây dựng Sơn Lăng cho mình. Hầu hết nhân lực, vật liệu nhà nước và năng lực của chính nhà vua nữa, đều được đổ ra trong nhiều năm để thực hiện việc xây lăng.

Xuất phát từ quan niệm tinh thần Hoàng Đế là “thiên tử” (con trời) nên cũng giống như mặt trời, sinh ra từ phương Đông và trở về ở phương Tây. Và hình ảnh mặt trời lặn biểu hiện vua băng hà. Khi đã thăng hà vua cùng mặt trời đi về phương Tây để an giấc ngàn thu nơi tuổi đời tĩnh mịch. Mặt khác theo nguyên tắc sơn thủy của Đông phương và thuyết âm dương, thuyết ngũ hành của dịch học các nhà kiến trúc đầu thế kỉ XIX bố trí hệ thống các ông trình kiến trúc quay mặt về hướng Nam. Bởi trong kinh dịch chỉ rõ: “thành nhân nam diện nhi thính thiên hạ”(vua quay mặt về hướng nam để cai trị thiên hạ). Đây là điều mà các nhà kiến trúc dưới thời Nguyễn phải tuân thủ triệt để. Đó là phần việc chuyên môn của các quan bộ lễ, ở Khâm Thiên Giám và một vài cơ quan khác. Âm phần của các vua có phát hay không, hậu vận của hoàng tộc có tốt hay xấu đều do sự lựa chọn cuộc đất “vạn niên cát địa” này. Cát là điềm lành tốt đẹp, phước đức, vùng đất mãi mãi làm nên phú quý, thọ, Khang, Ninh cho hàng vạn năm sau. Lăng tẩm nào cũng liên quan đến thực thể địa lý tự nhiên, như sông, núi, ao hồ, khe suối và nhất là huyền cung nơi trung tâm điểm của mặt bằng kiến trúc phải tọa lạc đúng long mạch.





Các thầy địa lý giỏi bây giờ đi khắp mọi nơi để chọn “huyệt kết”. Huyệt kết là nơi hội tụ mọi tinh hoa của long mạch, nơi làm cho mồ mả, nhà cửa vượng phát. Đó là nơi hội đủ các nguyên tắc “sơn triều thủy tụ”, “tiền án hậu chẩm”, “tả thanh long”, “hữu bạch hổ”, “huyền thủy minh đường”...

Theo nguyên tắc đó quan địa lý Lê Văn Đức đã chọn được một cuộc đất tốt ở địa phận núi Cẩm kê, gần ngã ba Bằng Lãng, nơi hợp lưu của hai nguồn Tả Trạch và Hữu Trạch để tạo thành con sông Hương menh mông một dải gương nước in bóng núi kì thú. Đời con, đời cháu sau này có vượng, phát...hay không đều phụ thuộc vào cuộc đất ấy. Nên phải rờng rã 14 năm chọn lựa, cân nhắc, đến năm 1840, khi được 50 tuổi cùng với lễ thượng thọ, nhà vua mới quyết định cho xây dựng lăng tẩm của mình ở nơi này. Đích thân nhà vua xem xét, phê chuẩn họa đồ thiết kế do các quan Bùi Công Huyền, Trương Đăng Quê và Giám thành vệ dâng lên. Chủ đề tư tưởng nghệ thuật do nhà vua đưa ra, đồ án kiến trúc do vua duyệt khan. Ngự dụ huyệt lại lần cuối địa điểm Nhà vua cho đổi tên núi Cẩm Kê (thuộc ấp An Bằng, huyện Hương Trà) thành Hiếu Sơn và gọi tên lăng là Hiếu Lăng.

Trong nguyên tắc sơn thủy, yếu tố thủy không bao giờ thiếu được. Các di tích của Huế nói chung và lăng Minh Mạng nói riêng đều gắn liền với yếu tố mặt nước. Có thể đó là một dòng sông, một nhánh suối, khe, có thể là một chiếc hồ...Vì trong tâm thức cư dân lúa nước cuộc sống không thể tách rời yếu tố nước. Mặt khác do tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá trung hoa từ ngàn năm nay (xem thủy là phần quan trọng để quân bình âm dương ngũ hành cho cả cuộc đất. Vậy nên các cung điện, đền đài, lăng tẩm Huế đều được xây dựng ở vùng đồng bằng phù sa thấp hoặc kề cận sông suối gắn liền với hệ thống sông Hương. Có thể nói sông Hương là xương sống, là một trục nước đặc biệt của kiến trúc Huế. Lăng Minh Mạng cũng không ngoại lệ. Khu đất xây lăng lấy ngã ba Bằng Lãng, nơi hợp lại Tả trạch và Hữu trạch của con sông Hương, làm “thủy tụ” – “minh đường”. Đây là nơi tụ thủy, tụ khí, tụ phúc cho con cháu.

Mặt khác như ta biết lăng các vua nhà Nguyễn là một vùng rộng lớn, có lăng rộng đến 28 km2 (lăng Gia Long)...Phía trước mỗi lăng luôn luôn có một ngọn núi làm tiền án, ngọn núi này có thể cách xa lăng đến cả chục cây số. Ngọn núi này như một cái bàn đặt phía trước người ngồi.





Ngọn núi ở phía sau được chọn làm hậu chẩm, giống như một cái gối nằm ngủ. Ngoài ra phía bên trái và phải của huyệt cũng có hai ngọn núi chầu vào làm rồng chầu, hổ phục. Đây là nguyên tắc sơn thủy mà các nhà kiến trúc triều Nguyễn đều tuân theo khi xây dựng công trình lăng tẩm. Đối với lăng Minh Mạng quan địa lý Lê Văn Đức đã chọn cuộc đất có đôi Phú Sơn (Sương Thủy) làm tiên án, núi Ngọc Trấn làm rồng chầu, ngọn Tôn Sơn làm hổ phục. Những ngọn núi này bao quanh lăng làm bình phong ngăn cơn gió độc, làm ấm áp người đã khuất.

Nhờ tuân theo nguyên tắc sơn thủy mà lăng Minh Mạng trở thành một công trình kiến trúc vô cùng đặc biệt, không chỉ về kiến trúc mà cả tinh thần. Cùng với quan niệm âm dương, ngũ hành... làm cho lăng có không gian rất riêng biệt. Lăng còn là sự kết hợp hài hòa giữa cái cổ kính của các công trình nhân tạo và cảnh quan thiên nhiên nên không còn là nơi u sầu buồn bã nữa mà rất đẹp, có đồi, có núi, hồ, suối... Nó khiến du khách thực sự ngạc nhiên khi vào thăm lăng.

Tổng quan Hiếu Lăng

Tháng 4 năm 1840, công cuộc kiến thiết Hiếu Lăng bắt đầu. Vua sai các quan Lê Đăng Danh, Nguyễn Trung Mậu và Lý Văn Phúc điều khiển lính và thợ thuyền lên đây đào hồ đắp La thành. Tháng 8 năm 1840, Minh Mạng lên kiểm tra thấy công việc đào hồ Trưng Minh không vừa ý nên giáng chức các quan trông coi và đình chỉ công việc. Một tháng sau, công việc vừa được tiếp tục thì Minh Mạng lâm bệnh và đột ngột băng hà vào tháng 1 năm 1841. Vua Thiệu Trị lên nối ngôi, chỉ một tháng sau (tháng 2-1841) đã sai các quan đại thần Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên, Nguyễn Tri Phương chỉ huy gần 10.000 lính và thợ thi công tiếp công trình theo đúng họa đồ của vua cha để lại. Ngày 20 tháng 8 năm 1841, thi hài vua Minh Mạng được đưa vào chôn ở Bửu Thành, nhưng công việc xây lăng mãi đến đầu năm 1843 mới hoàn tất. Từ một vùng núi đồi hoang vu, qua bàn tay lao động Lăng Minh Mạng và óc sáng tạo của con người đã hình thành một khu lăng tẩm uy nghiêm, vừa rực rỡ về kiến trúc, vừa hài hòa với thiên nhiên lại vừa sâu sắc bởi giá trị tư tưởng.





La thành lǎng Minh Mạng được xây dựng năm 1841 với chu vi 1.750m với chức bảo vệ một quần thể kiến trúc gồm cung điện, lầu đài, đình nhưng không làm cản tầm mắt và do đó vẫn có sự hoà hợp cảnh trí trong ngoài lǎng. La Thành có dạng gần giống hình bầu dục nhưng mặt trước lại xây thẳng và mở ra ba cổng chính. Từ ngoài vào vào trong, các công trình kiến trúc được phân bố trên ba trục song song với nhau mà vẫn đường thần đạo là trục trung tâm (dài 700m). Mở đầu thần đạo là Đại Hồng Môn xây bằng vôi gạch cao 9m, rộng 12m hai bên vạch một khoảng tường là các cửa Tả – Hữu Hồng Môn...

Trên nóc tầng mái thứ nhất của Đại hồng Môn, ở chính giữa, đắp nổi một hình mặt trời, hai bên có hai con cá chép chầu vào. Mô típ trang trí này được coi là tiêu biểu cho loại cổng tam quan của kiến trúc triều Nguyễn, nó là biểu trưng của sự cầu mưa, cầu hạnh phúc no đủ. Cổng chỉ mở có một lần để đưa quan tài của vua vào trong lǎng, sau đó được đóng kín, ra vào phải qua hai cổng phụ. Qua cửa là vào sân chầu Bái đình hình vuông, lát gạch Bát Tràng (sân rộng 45x45m). Người xưa có quan niệm rằng “sống gởi thác về” có nghĩa là sống chỉ là tạm bợ đến khi chết đi mới là vĩnh hằng, chính vì vậy khi sống vua có người hầu kẻ hạ thì khi đi về thế giới bên kia cũng phải có quan lại quân lính voi ngựa theo hầu. Và những cái đó được biểu tượng bằng hai hàng tượng quan văn võ, voi ngựa bằng đá cứng chầu ở hai bên.

Cuối sân là Bi Đình toạ lạc trên Phụng Thần Sơn (nhà bia) xây trên gò đất cao 4m50 chia làm ba cấp với ý tượng trưng tam tài Tượng đá trong lǎng (trời – đất – người) mà nhiều kiến trúc khác trong lǎng cũng chung tư tưởng chỉ đạo này Hai phía trước và sau có hệ thống bậc đá dẫn lên phương đình tám mái, trong có tấm bia “Thánh Đức Thần Công”. Kể cả bệ bia cao tới 4m23, riêng bia cao 3m15 rộng 1m8, bằng đá Thanh được dựng vào ngày 15 tháng 10 năm 1842 do vua Thiệu Trị viết về tiểu sử và công đức của vua cha rồi cuối cùng ông đã tóm gọn tài đức của cha mình bằng tám chữ: “thánh văn thần võ, đại đức, trí nhân”. Một khoảng sân rộng tiếp theo chia làm bốn bậc lớn nhằm giảm bớt cảm giác choáng ngợp của con người trước sự mênh mông của kiến trúc, đó là sân triều lễ. Để sau đó vào Hiển Đức Môn mở ra một thế giới tǎm thờ, được giới hạn trong một lớp thành hình vuông biểu trưng (từ ý niệm trời tròn đất vuông). Từ điểm cao này lại xuống sân để rồi lên điện Sùng Ân kiểu “trùng thiềm điệp ốc” ở trung tâm của Phụng Thần Sơn, chung quanh có Tả Hữu phối điện (trước) và Tả – Hữu Tùg





Phòng (sau). Như những vệ tinh chung quanh. Trong điện thờ bài vị của vua và bà Thiên Nhân Hoàng Hậu. Hoàng Trạch Môn là công trình kết thúc khu vực tắm điện, mở ra một không gian của hoa lá và mây nước phía sau. Đây là cả một cụm kiến trúc khép kín lấy điện thờ làm tâm, và đường thần đạo làm trục để quy tụ những kiến trúc phụ, tập trung những đặc điểm của kiến trúc Huế thanh tú và tao nhã.

Qua khỏi Hoàng Trạch Môn tất cả những công trình mang tính chất hiện thực dường như dừng lại ở khu vực tắm điện. Từ đây bắt đầu bước chân vào thế giới mới đầy thơ nhàn, siêu thoát và vô biên. Đi xuống 17 bậc đá đến chỗ eo thắt của hồ Trường Minh, cũng là mép của Phụng Thần Sơn ta như lạc vào thế giới của ổ cây lá hoa. Vượt qua hệ thống ba cầu Tả Phù (trái), Trung Đạo (giữa) Hữu bật (phải) bắc qua hồ Trường Minh như dải lụa xanh đưa ta tới đồi Tam Tài Sơn đột khởi nhô lên, mở đầu cho khu vực lăng với chức năng án che. Trên đồi ao lại có toà phương đình Minh Lâu vời vợi. Công trình thật ra không cao nhưng vì khéo tận dụng mặt nước và nền nên đã tôn lên rất nhiều. Thêm vào đó là sự tiệm tiến về chiều cao.

Minh Lâu nghĩa là lầu sáng nơi nhà vua suy tư vào những đêm trăng thanh gió mát, nơi để cho linh hồn tiên đế hiện về uống rượu, đánh cờ, ngắm trăng và để tiêu khiển. Minh Lâu là sự thể hiện cách lý giải về vũ trụ và nhân sinh quan của người xưa. Toà nhà này hình vuông, hai tầng, tám mái là một Minh Lâu biểu tượng của triết học phương đông Thái cực hai lớp mái biểu tượng lưỡng nghi dương nhẹ nằm ở trên âm nặng nằm ở dưới, bốn mặt biểu trưng cho tứ tượng và tám mái biểu trưng cho bát quái (Trần Lâm Biên). Trên bờ nóc của Minh Lâu có một bình pháp lam thất lạng dáng bầu rượu là biểu trưng củ bầu thái cực, nơi phát sinh ra vũ trụ.

Đứng từ Minh Lâu ta có thể quan sát cả vùng cảm nhận vẻ đẹp của cả tổng thể lăng minh Mạng. Sân trước Minh lâu trồng nhiều cây sứ, sân sau là vườn hoa hình chữ thọ, có trồng thêm mấy cây thiên tuế có ý nghĩa trường cửu. Vua Minh Mạng đã cho xếp đá thành thế tả thanh long hữu bạch hổ được đặt trên hai ngọn đồi nhỏ. Hai bên Minh Lâu, về phía sau là hai trụ biểu uy nghi dựng trên bình sơn và thanh sơn như một sự giải thoát của linh hồn để hoà nhập vào vũ trụ. Muốn nói nhà vua đã “bình thành công đức” trước khi về cõi vĩnh hằng.





Đằng sau ba điểm cao lại nhấn xuống một điểm thấp là hồ bán nguyệt. Đây là điểm tụ thủy để tích đọng những nguồn sinh khí cho Bửu thành. Không gian này được xem là hình ảnh của thế giới vô biên. Hồ Bán Nguyệt có hình dạng đúng như tên gọi của nó, Bán Nguyệt là trăng non. Hai nửa của mảnh trăng lưỡi liềm này được chia năm đối xứng nhau qua cầu thông Minh Chính Trực. Cái hồ hình trăng non này ôm lấy Bửu Thành. Hồ hình trăng non như yếu tố “âm” bao bọc, che chở cho yếu tố “dương” là Bửu Thành biểu tượng của mặt trời. Kết cấu kiến trúc này thể hiện quan niệm của cổ nhân về sự biến hoá ra muôn vật. Đó là nhân tố tác thành vũ trụ. Lão tử có câu “Vạn vật phụ âm nhi bão dương, suy khí dĩ vi hoà” (vạn vật khí âm nằm bên ngoài ôm lấy khí dương ở bên trong hai khí sung mãn thì có hoà khí).

Cầu Thông Minh Chính Trực bắc qua hồ bán nguyệt nối Bửu Thành và Minh Lâu dài 49m và rộng 4m2. Hai bên đầu cầu có Nghi Môn bằng đồng trên trang trí hình mây ngũ sắc và bát hũu bằng pháp lam. Sau 33 bậc tầng cấp là nơi an nghỉ của vua, nằm giữa trung tâm một quả đồi mang tên Khải Trạch Sơn, được giới hạn bởi Bửu Thành hình tròn đồng tâm biểu trưng, được tạo nên từ hồ bán nguyệt, La Thành, núi non và đường chân trời như muốn thể hiện khát vọng muốn ôm choàng trái đất và ước muốn làm chủ vũ trụ của vị vua quá cố. Đây là điểm cao chót, để phía sau trải ra một khoảng không thiên nhiên xanh ngát màu của cây cỏ hoang sơ. Từ đỉnh cao của không gian vô biên (Bửu Thành) nhìn xuống Minh Lâu, điện Sùng Ân, nhà bia theo một hàng dọc có tầm cao mặt nên bằng nhau như gọi lên trong ta ba miền đất nước Bắc – Trung – Nam nằm trên một bán đảo mà hồ Trùng Minh là đại dương.

Có thể người xưa đã tạo nên năm tầng sân nói tiếp cao dần lên theo thế ngũ hành tương sinh và cũng muốn cho con người dù đứng ở vị trí nào trên sân cũng không thấy mình quá nhỏ bé. Nhìn toàn cảnh lăng hình bầu dục với cấu trúc dàn trải như một thai nhi gọi lên một sự tái sinh. Và trên trắc đồ cát theo trục dọc xuyên tâm từ Địa Hồng Môn đến Bửu thành, các điểm cao thấp xen kẽ, dẫn cách nhau có dáng dấp như một người nằm ngửa thanh thản muốn nhập mình với thiên nhiên.

Minh Mạng làm vua khi chế độ quân chủ tập quyền phát triển đến đỉnh cao với một kỉ cương chặt chẽ và đất nước rộng lớn nhất. Ông chỉ đạo thiết kế lăng của mình đạt đến sự quy phạm





cao, toàn thể đăng đối mà vẫn uyển chuyển, càng vào sâu càng tôn nghiêm và đạt đến tuyệt đỉnh ở Bửu thành. Những kiến trúc chính nằm trên một trục dọc xuyên tâm lăng tính trang nghiêm hướng xây dựng vào thế đối xứng, nhưng toả ra hai bên với hồ sen và những kiến trúc phụ bờ ngoài của hồ thì đăng đối thoải mái. Những đường ngang nét lượn, những hình tròn hình vuông ở trên trục tâm lại được những mảng hình ở ngoại vi liên tục đối mới, nhịp nhàng uốn lượn, không ngừng gợi mở...tạo sự hài hoà, thống nhất mà vẫn đa dạng vui mắt. Lăng Minh Mạng khiến cho các kiến trúc sư bậc thầy ngày nay cũng phải khâm phục trước nghệ thuật kiến trúc tuyệt diệu này.

Giá trị lăng Minh Mạng

Đối với nghệ thuật

Với phong cách riêng của mình Lăng Minh Mạng đã để lại cho nghệ thuật kiến trúc nước nhà nói riêng và kiến trúc thế giới nói chung nhiều giá trị to lớn. Với kinh nghiệm của mình các nhà kiến trúc bấy giờ đã thành công trong việc áp dụng nghệ thuật sơn thủy vào trong công trình kiến trúc của mình. Làm cho khu lăng mộ này mang một nét riêng, không thể nhầm lẫn với các công trình lăng tẩm khác. Cũng là nơi yên nghỉ của bậc đế vương nhưng lăng Minh Mạng không cổ kính bí hiểm...như các lăng vua Trung Quốc, không to lớn, khổng lồ tạo cho con người cảm giác bé nhỏ choáng ngợp khi đứng trước Kim Tử Tháp của các Pharaông Ai Cập mà tạo cho mọi người cảm giác mới lạ.

Các công trình kiến trúc lăng tẩm này dường như có thể lên tiếng nói về cuộc đời của chủ nhân mình. Nhìn lăng vua Gia Long ta có thể hiểu tại sao ý tưởng chủ đạo của lăng là cái đơn giản của người lính và cái vĩ đại của người dựng nghiệp. Nhà bia, điện thờ và ngôi mộ nằm dài trong rừng thông không có rào bao quanh. Điện thờ Minh Thành theo ý nhà vua không sơn son thiếp vàng nhưng chạm trổ chắc khoẻ. Nhìn lăng vua Thiệu Trị (1840-1847), lăng vua một cách yên ổn nên lăng rất ít cá tính; vua Tự Đức(1847-1883) làm thơ rất nhiều, đến 4000 bài thơ chữ Hán, 100 bài thơ chữ Nôm, hàng trăm bài ký. Nhà vua muốn ngôi lăng của mình phải là một bài thơ với nhà thủy tạ soi bóng hồ sen, với những lối đi uốn lượn dưới rừng thông... Còn vua





Minh Mạng lên ngôi với sứ mạng thiết lập một trật tự nho giáo. Khẩu hiệu của nhà vua là “chính đại quang minh”. Vì vậy bố cục lăng gồm các công trình nằm đối xứng nhau trên một đường thần đạo.

Nghệ thuật kiến trúc ở đây là nghệ thuật kiến trúc phong cảnh. Khi xây lăng, Minh Mạng đã tinh tế đan xen thiên nhiên vào trong những đường nét cứng chắc của công trình, nó làm cho công trình kiến trúc bớt đi vẻ khô cứng, tạo cho hệ thống lăng tẩm đó không còn đơn độc lẻ loi nữa. Đây cũng là nét kiến trúc tiêu biểu của thời Nguyễn. Suy cho cùng điều này không nằm ngoài tinh thần triết lí phương Đông của con người muốn thấu cảm cảnh thiên nhiên, môi trường sống vào một chỉnh thể thu nhỏ nhiều lần như khu vườn mình đang sống, lăng mộ mình yên nghỉ. Và cái tiểu ngã của bản thân hoà vào cái đại ngã của vũ trụ trong khả năng có thể của triết lí nhà phật.

Bên cạnh hàng loạt các công trình kiến trúc có giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ cao còn có gần 600 ô chữ chạm khắc các bài thơ trên Bi Đình, Hiển Đức Môn, điện Sùng Ân và Minh Lâu cũng là những tuyệt tác vô giá. Đó là một “bảo tàng thơ” chọn lọc của nền thi ca Việt Nam đầu thế kỷ XIX, là nơi phô bày tri thức, trí tuệ và tình cảm của người xưa

Đối với nhân sinh quan

Cái đập vào đầu tiên khi ta đến thăm lăng là sự hoành tráng của nó nhưng ẩn đằng sau nó là triết lí sâu sắc về cuộc đời, về sự sống và cái chết. Khi đến thăm lăng, không chỉ bằng trực giác mà vận dụng cả tư duy nữa ta mới cảm nhận hết ý nghĩa của khu lăng tẩm này. Theo người xưa cuộc sống trong cõi trần ai chỉ là một cái gì đó tạm bợ, dù thọ được một trăm năm cũng chóng qua như một giấc mộng, vạn hữu đều vô thường năng thay đổi hình trạng như đám phù vân.. Vì vậy khi vào lăng ta không thấy cái u buồn thê lương, ảm đạm mà một khu lăng thường có. Ta thấy được ở đây một thái độ thanh thản khôn ngoan đối với cái chết, tất nhiên con người không ai thoát khỏi quy luật của sự sống và cái chết, của vua Minh Mạng . Là một người theo Lão giáo nên cũng có quan niệm: Trong các loại sinh vật chỉ có con người là ý thức được bản thân mình và vũ trụ xung quanh, do đó mà biết lựa chọn thái độ với thiên nhiên.





Có khi là hoà hợp với thiên nhiên, có khi là chinh phục và hiểm soát hoặc lợi dụng thiên nhiên.

Các vua Nguyễn quan niệm chết chưa phải là hết. Ở đây chết là bước sang một thế giới mới với nhiều hạnh phúc, với nhiều điều tốt đẹp. Nên ông vua nào khi lên ngôi rồi cũng cố gắng tìm cho mình một cuộc đất tốt, và biến nơi đó trở thành một thiên đường trên mặt đất, nơi yên nghỉ đầy nhạc và thơ, một nơi không thấy bóng dáng của cái chết, của sự tang tóc. Thế nên lăng được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch “tứ bề núi phủ mây phong – mảnh trăng thiên cổ bóng từng vạn niên”.

Điều dễ cảm nhận hơn cả song đậm đà ấn tượng khiến mọi người tới thăm lăng đều thích thú say mê là vẻ đẹp của “phong cảnh thuỷ mạc” mà thiên nhiên đất trời ưu ái dành cho nơi này. Với cảnh thiên đàng trên dương thế các lăng tẩm uy nghi đã được xây dựng hài hoà trong bản đồng ca với thế giới tự nhiên. Phong cách hoà hợp với thiên nhiên được áp dụng triệt để. “Lăng đây là phong cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp ghép thêm một bức cảnh nhân tạo tuyệt khéo. Lăng đây là cái nhân công tô điểm cho sơn thuỷ. Thật không biết lấy nhờ gì tả được cái cảm giác lạ, cái êm đềm vô cùng. Nó khơi dậy trong lòng người một âm vang đặc biệt”. Nó làm dịu lòng du khách vào viếng thăm lăng. Cảm giác mát mát nhường chỗ cho sự thanh thản đến lạ kì Ở đây có cả các công trình dùng vào việc tiêu khiển ngồi câu cá, hóng mát, làm thơ, ngắm cảnh...Đi thăm lăng mà có cảm giác như đang ung dung đi dạo trong chốn thiên đường. Càng đi sâu vào lăng càng cảm thấy thanh thản về tâm hồn càng tăng dần.

Thăm lăng ta có thể cảm nhận thấy cách nghĩ, thấy được quan niệm của vua Minh Mạng về sự sống và cái chết, về con người, về vũ trụ lớn lao. Hiểu được con người cũng như suy nghĩ, tâm tư tình cảm của vị vua nổi tiếng này.





NGUYỄN GIA TRAVEL
Khám phá bản sắc Việt

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VÀ DU LỊCH NGUYỄN GIA

Add | Phòng 408 - CT4, KĐT Mễ Trì Thượng, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tel | 04.6672.1010 - 6672.9191 **Fax** | 04.3363.1919

E-mail | info@nguyengiatravel.com - info@nguyengiatravel.vn

Web | www.nguyengiatravel.com - www.nguyengiatravel.vn

Như một du khách phương Tây khi đến thăm lăng đã nói: lăng đây là “nơi tang tóc mỉm cười và chốn vui tươi thồn thức” (Le deuilsourit et la joie soupire). Charles Patrstrong một bài thơ cũng viết:

“...Les roisd’ Annam tres sages

Qui font sourire la mort”

(Các vua nhà Nguyễn khôn ngoan

Làm cho cảnh tang tóc biết cười)

Lăng Minh Mạng đã khiến các nhà kiến trúc tài giỏi ngày nay phải kính cẩn nghiêng mình khâm phục vì vẻ đẹp, sự tài hoa tinh tế trong từng viên gạch, lớp ngói của công trình. Phải nghiêng mình kính cẩn trước sự thông minh lỗi lạc, uyên bác, tài hoa của một ông vua đa trí, đa tài.

Nguồn: thuyetminhdulich

Liên hệ tư vấn - Mr. Trường | 0904.900.622 - 0979.131.195
E-mail | xuantruong@nguyengiatravel.com - sales@nguyengiatravel.com

